

Bản án số: 78/2021/DS-ST

Ngày: 31-5-2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Cương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức Hiếu

Ông Đặng Văn Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Dự – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2021/TLST-DS ngày 17/11/2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-DS ngày 12/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-DS ngày 10/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn H (Tên gọi khác: M), sinh ngày 1975; Nơi đăng ký thường trú: Tổ 25, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: Số 01 đường Đ, phường A, quận A, TP Đà Nẵng; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ liên hệ: Số 01 đường Đ, phường A, quận S, TP Đà Nẵng. Ông Thoại có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị N (Tên gọi khác: Trần Thị N), sinh năm 1969 và ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 81 đường M, tổ 61, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2021 nguyên đơn ông Đặng Văn H; đơn giải trình ngày 30/5/2022 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Xuân T trình bày:*

Nguyên đơn ông Đặng Văn H và vợ chồng bà Trần Thị N (Tên gọi khác: Nên) và ông Huỳnh Ngọc L là hàng xóm láng giềng, quen biết và tin tưởng nên vợ chồng

bà N, ông L đã mượn tiền của ông Đặng Văn H nhiều lần với tổng số tiền là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), cụ thể:

Tháng 8/2019 âm lịch, vợ chồng bà N, ông L có mượn của ông H 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Tháng 10/2019 âm lịch, vợ chồng bà N, ông L mượn thêm của ông H số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) để cho hàng xóm vay lại. Lúc đó, vợ chồng bà N, ông L viết giấy mượn tiền chung cho 02 khoản vay trên là 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tháng 11/2019 âm lịch, vợ chồng bà N, ông L tiếp tục mượn ông H số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), số tiền này được vợ chồng bà N, ông L vay hai lần. Lần 1, vợ chồng bà N, ông L vay 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu*); Lần 2: Vợ chồng bà N, ông L vay 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Đến tháng 01/2020 âm lịch, vợ chồng bà N, ông L trả cho ông H được 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Số tiền còn lại mà vợ chồng bà N, ông L còn nợ ông H là 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Vào khoảng tháng 4/2020 thì bà N tuyên bố vỡ nợ nhưng không nêu lý do, ông H đã nhiều lần liên hệ để đòi nợ nhưng bà N, ông L vẫn nhất quyết không trả. Từ đó đến nay, bà N, ông L không trả số tiền nợ còn lại cho ông H và đã bỏ đi khỏi địa phương. Ông H đã tìm mọi cách nhưng vẫn không liên lạc được với bà N, ông L.

Theo thỏa thuận tại giấy mượn tiền, trước khi lấy lại khoản tiền đã cho vay, ông H phải báo trước cho bà N (Nên) từ 01 đến 02 tháng thì bà N (Nên) sẽ trả. Tháng 4/2020, khi biết tin vợ chồng bà N, ông L vỡ nợ, ông H đã yêu cầu bà N ông L trả nợ. Do đó, thời hạn bà N, ông L phải trả nợ cho ông H được tính từ thời điểm tháng 6/2020 (*02 tháng kể từ ngày ông H yêu cầu bà Nấu, ông Lưu trả nợ*).

Việc bà N, ông L chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Theo quy định của pháp luật thì bà N, ông L ngoài việc trả nợ gốc còn phải trả nợ lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 30/6/2020 cho đến ngày xét xử ngày 31/5/2022 với số tiền lãi là 140.000.000 đồng x 10%/năm x 701 ngày = 26.887.671 đồng.

Tại đơn khởi kiện, ông Đặng Văn H, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị N và ông Huỳnh Ngọc L phải trả cho ông Đặng Văn H tổng số tiền: 160.980.822 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 140.000.000 đồng; Nợ lãi chậm trả tạm tính từ ngày 30/4/2020 đến 29/10/2021 là 20.980.822 đồng.

Tại phiên tòa ông Mai Xuân T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn H thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Buộc bà Trần Thị N và ông Huỳnh Ngọc L phải có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn H tổng số tiền 166.887.671 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 140.000.000 đồng; Nợ lãi chậm trả tính từ ngày 30/6/2020 (*tại đơn khởi kiện lãi tính từ ngày 30/4/2020*) đến ngày xét xử, ngày 31/5/2022 là: 26.887.671 đồng.

Buộc bà N, ông L tiếp tục chịu lãi chậm trả kể từ 01/6/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho ông Đặng Văn H.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Trần Thị N và ông Huỳnh Ngọc L nhưng bà N, ông L không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại phiên tòa.

Theo kết quả xác minh ngày 01/12/2021 thể hiện: Vợ chồng bà Trần Thị N và ông Huỳnh Ngọc L có đăng ký thường trú tại: Số nhà 81 đường M, tổ 61, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Vợ chồng bà N, ông L đã bán nhà đi khỏi địa phương từ tháng 3/2021 cho đến nay; Tại địa phương bà Huỳnh Thị N còn có tên gọi khác là Huỳnh Thị N;

Tổ dân phố nơi nguyên đơn ông Đặng Văn H sinh sống xác nhận, tại địa phương ông Đặng Văn H còn có tên gọi khác là M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 464, 465, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn Hân đối với bị đơn bà Trần Thị N và ông Huỳnh Ngọc L.

Buộc bị đơn bà Trần Thị N và ông Huỳnh Ngọc L phải có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn H số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng và khoản tiền lãi chậm trả từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/5/2022 với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc chậm trả 140.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn H về việc buộc bị đơn bà Trần Thị N và ông Huỳnh Ngọc L phải trả khoản tiền lãi chậm trả từ ngày 30/6/2020 đến ngày 31/3/2021.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến, trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Đặng Văn H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N và ông Huỳnh Ngọc L phải trả tiền nợ gốc và lãi đã vay theo giấy mượn tiền. Nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là bà Trần Thị N, ông Huỳnh Ngọc L đều có địa chỉ cư trú tại phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị N, ông Huỳnh Ngọc L vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa ông Mai Xuân T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn H đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị N và ông Huỳnh Ngọc L phải có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn H tổng số tiền 166.887.671 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 140.000.000 đồng; Nợ lãi chậm trả tính từ ngày 30/6/2020 cho đến ngày xét xử, ngày 31/5/2022 là: 26.887.671 đồng. Buộc bị đơn tiếp tục trả lãi cho đến khi thi hành xong hết khoản nợ. Bị đơn bà Trần Thị N, ông Đặng Văn H không có ý kiến phản hồi nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và ý kiến, trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả 140.000.000 đồng tiền gốc:

Theo nguyên đơn ông Đặng Văn H, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Xuân T trình bày, từ tháng 08/2019 đến tháng 11/2019, vợ chồng bà Trần Thị N và ông Huỳnh Ngọc L đã nhiều lần vay tiền của ông Đặng Văn H với tổng số tiền 180.000.000 đồng, trong đó có khoản vay 100.000.000 đồng và khoản vay 50.000.000 đồng nhập lại ghi thành 01 giấy mượn tiền với tổng số tiền vay là 150.000.000 đồng; còn khoản vay 30.000.000 đồng hai bên không viết giấy mượn tiền. Đến tháng 01/2020 âm lịch vợ chồng bà N, ông L đã trả được cho ông H số tiền

40.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng vợ chồng bà N, ông L chưa trả. Theo “Giấy mượn tiền” (không đề ngày) mà ông Đặng Văn H cung cấp có nội dung “*Tôi tên Trần Thị N có mượn của V/C em M một số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng y), khi nào em M hỏi thì chị N sẽ trả lại bình thường; trước khi lấy phải báo trước 1 hoặc 02 tháng sẽ trả lại bình thường*”. Theo xác minh tại địa phương bà Trần Thị N còn có tên gọi khác là Trần Thị N, ông Đặng Văn H còn có tên gọi khác là M. Theo nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giấy vay tiền này do bà Trần Thị N (tức Trần Thị N) viết có chữ ký của bà Trần Thị N (tức Trần Thị N) và ông Huỳnh Ngọc L. Giấy mượn tiền (không đề ngày) này là hợp đồng vay tài sản, các bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ, tuy nhiên các bên thỏa thuận bên cho vay được quyền yêu cầu bên vay trả nợ nhưng phải báo trước 1 hoặc 2 tháng. Theo khoản 1 Điều 469 quy định “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản ... bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau biết một thời gian hợp lý...*”. Theo nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thì ông H đã báo trước thời gian trả nợ cho vợ chồng bà N, ông L từ tháng 04/2020 nhưng đến nay vợ chồng bà N, ông L vẫn chưa trả được số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng cho ông H. Mặc dù ông H không chứng minh được thời điểm ông H yêu cầu bà N, ông L trả khoản nợ gốc này. Tuy nhiên nhiên theo kết quả xác minh thì từ tháng 3/2021 đến nay vợ chồng bà N, ông L đã đi khỏi địa phương nên nguyên đơn không thể thực hiện việc báo trước thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận. Nguyên đơn ông H cung cấp được bản gốc giấy mượn tiền, theo giấy mượn tiền thì bà N (Nên), ông L xác nhận vay ông H số tiền 150.000.000 đồng như trích viện dẫn nêu trên; bị đơn bà N (Nên), ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ đã trả số tiền nợ này. Vì vậy, nguyên đơn ông Đặng Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị N (Trần Thị Nên), ông Huỳnh Ngọc L phải trả khoản tiền gốc: 140.000.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Trần Thị N (Trần Thị Nên), ông Huỳnh Ngọc L phải trả cho ông Đặng Văn H số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử thẩm là 26.887.671 đồng:

Theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...*”. Như đã nhận định ở trên, tại giấy vay tiền không thể hiện ngày vay tiền, ngày trả tiền nhưng các bên thỏa thuận khi nào lấy lại tiền thì ông H phải báo trước cho bà N (Nên) thời hạn từ 1 đến 2 tháng. Theo nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng ông H đã báo

trước thời gian trả nợ cho vợ chồng bà N (Nên), ông L từ tháng 04/2020 nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thời điểm ông H yêu cầu bị đơn bà N (Nên), ông L trả khoản nợ gốc này. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi chậm trả bắt đầu tính từ ngày 30/6/2020 là chưa có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Theo kết quả xác minh thì từ tháng 3/2021 đến nay vợ chồng bà N (Nên), ông L đã đi khỏi địa phương, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ mới, nên nguyên đơn không thể thực hiện việc báo trước thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có cơ sở xác định thời điểm bắt đầu tính lãi chậm trả từ ngày 01/4/2021. Mức lãi suất chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu 10%/năm là phù hợp với điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn H về việc buộc bị đơn bà Trần Thị N, ông Huỳnh Ngọc L phải trả khoản tiền lãi chậm trả từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử 31/5/2021 với số tiền lãi là:  $140.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 425 \text{ ngày} = 16.339.726 \text{ đồng}$ .

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn H yêu cầu bị đơn bà Trần Thị N, ông Huỳnh Ngọc L phải trả khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 31/3/2021 với số tiền là: 10.547.945 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Trần Thị N (Trần Thị N), ông Huỳnh Ngọc L phải có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn H là 156.339.726 đồng. Trong đó bao gồm tiền nợ gốc: 140.000.000 đồng; Nợ lãi chậm trả tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử, ngày 31/5/2022 là: 16.339.726 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 31/3/2021 với số tiền là: 10.547.945 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị N, ông Huỳnh Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

- Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn lại cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 463, 464, 465, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn H đối với bị đơn bà Trần Thị N (tên gọi khác: Trần Thị N) và ông Huỳnh Ngọc L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2.1 Tuyên xử: Buộc bà Trần Thị N (tên gọi khác: Trần Thị N) và ông Huỳnh Ngọc L phải có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn H tổng số tiền: 156.339.726 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng*).

Trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*)
- Nợ lãi chậm trả tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử ngày 31/5/2022 là: 16.339.726 đồng (*Mười sáu triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng*).

2.2 Về nghĩa vụ chậm trả nợ: Kể từ ngày 01/6/2022 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị N (Tên gọi khác: Trần Thị N) và ông Huỳnh Ngọc L còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn H yêu cầu bị đơn bà Trần Thị N, ông Huỳnh Ngọc L phải trả khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 31/3/2021 với số tiền là: 10.547.945 đồng (*Mười triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng*)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn: Bà Trần Thị N (Tên gọi khác: Trần Thị N) và ông Huỳnh Ngọc L phải chịu 7.816.986 đồng (*Bảy triệu, tám trăm mười sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng*).

Nguyên đơn: ông Đặng Văn H phải chịu 527.397 đồng (*Năm trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.074.520 đồng (*Bốn triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi đồng*) mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 001610 ngày 16/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

Hoàn trả cho ông Đặng Văn H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 3.547.123 đồng (*Ba triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi ba đồng*) trong

tổng số tiền 4.074.520 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu nêu trên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Văn Cường**